

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuý Lan và ông Trần Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2023/TLST – HNGĐ ngày 06/02/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1992; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Đinh Vũ T, sinh năm 1986; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Trần Thị P trình bày:

1.1. Về hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Đinh Vũ T vào ngày 27/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới hai người được tự nguyện tìm hiểu.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh T tại thôn V nay là thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam cho đến khi chị sinh cháu Đinh Quang L thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân sau khi chị sinh cháu L được mấy tháng thì phát hiện cháu L mắc bệnh không có tuyến mồ hôi, tóc và răng phát triển không bình thường; đi khám thì cơ quan y tế nói là do di truyền; từ đó anh T đổ lỗi cho chị do không đi

xét nghiệm khi mang thai; hắt hủi chị và cháu L. Đến đầu năm 2020, vợ chồng chị lại bất đồng quan điểm trong công việc làm kinh tế dẫn đến việc vợ chồng cãi chửi đánh nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào cuối năm 2022, chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh T có đi tìm đón chị nhưng chị nhận thấy anh T vẫn không thay đổi, luôn đổ lỗi cho chị trong việc sinh con và nuôi dạy con cái cũng như không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống; đồng thời chị thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên chị không về chung sống; vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai người không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ do vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn anh T để sớm ổn định cuộc sống.

1.2. Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là cháu Đinh Lâm Ngọc V, sinh ngày 16/10/2009, cháu Đinh Lâm Nhật Á, sinh ngày 28/12/2011 và cháu Đinh Quang L, sinh ngày 04/10/2014. Hiện cả 03 cháu đang ở với anh T.

Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả 03 cháu do đây là mong muốn của các cháu; đồng thời chị cũng muốn các con ở cùng nhau vì các cháu còn nhỏ tuổi, sống với nhau từ khi sinh, để các cháu yêu thương đùm bọc nhau.

Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị, cụ thể: Cấp dưỡng nuôi cháu V, cháu Á, mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng; cháu L 2.000.000 đồng/tháng; cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng.

Chị xác định chị làm nghề tự do nên không có tài liệu chứng minh thu nhập giao nộp cho Tòa án; thu nhập bình quân khoảng từ 08 đến 10 triệu đồng một tháng.

Chị xác định hiện tại chị không có thai.

1.3. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị trình bày do yêu cầu của công việc nên chị không về tham gia tổ tụng được, chị đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt chị theo quy định.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Đinh Vũ T trình bày:

1.1. Về hôn nhân: Anh tự nguyện đăng ký kết hôn với chị Trần Thị P vào ngày 27/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới hai người được tự nguyện tìm hiểu.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh tại thôn V nay là thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam và cùng đi làm công nhân. Năm 2020 vợ chồng anh mở xưởng may tại nhà; do dịch bệnh Covid19 nên việc làm không thuận lợi, thua lỗ nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trong quan điểm giải quyết khó khăn về kinh tế. Chị P muốn đi lao động tại nước Nhật Bản nhưng anh không đồng ý. Khi anh đồng ý cho chị P đi thì trong quá trình chị P học tiếng Nhật Bản tại thành phố Hà Nội thì

vợ chồng lại bất đồng quan điểm về cách sống dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn; anh đề nghị Tòa án hoà giải để vợ chồng anh đoàn tụ.

1.2. Về con chung: Anh và chị P có 03 con chung là cháu Đinh Lâm Ngọc V, sinh ngày 16/10/2009, cháu Đinh Lâm Nhật Á, sinh ngày 28/12/2011 và cháu Đinh Quang L, sinh ngày 04/10/2014. Hiện cả 03 cháu đang ở với anh.

Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Anh cũng không đồng ý giao chị P được quyền nuôi dưỡng cả 03 con chung sau ly hôn.

1.3. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện Bình Lục thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P. Xử cho chị Trần Thị P ly hôn anh Đinh Vũ T.

- Về con chung: Giao cháu Đinh Lâm Ngọc V, sinh ngày 16/10/2009 và cháu Đinh Quang L, sinh ngày 04/10/2014 cho chị Trần Thị P nuôi dưỡng. Giao cháu Đinh Lâm Nhật Á, sinh ngày 28/12/2011 cho anh Đinh Vũ T nuôi dưỡng.

Buộc anh Đinh Vũ T cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Quang L cho chị Trần Thị P mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 05/2023 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Tiền cấp dưỡng nuôi cháu L được thực hiện hàng tháng.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Đinh Vũ T

phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; bị đơn - anh Đinh Vũ T đăng ký thường trú và cư trú tại thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét chị P đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Đinh Vũ T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới hai người được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại gia đình bố mẹ chồng ở thôn V nay là thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng chung sống đến khoảng đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị đổ lỗi cho nhau trong việc không tiêm phòng, khám tầm soát khi chị P mang thai cháu L dẫn đến khi sinh ra cháu mắc bệnh. Bên cạnh đó năm 2020 khi anh chị mở xưởng may nhưng do dịch bệnh Covid19 nên làm ăn thua lỗ. Trong lúc khó khăn vợ chồng lại không biết động viên, chia sẻ, bảo ban nhau vượt qua khó khăn. Mâu thuẫn vợ chồng chị P, anh T càng thẳng thắt từ cuối năm 2022 khi chị P đi học tiếng Nhật tại thành phố Hà Nội để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động; vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù đã được gia đình, chính quyền và Tòa án hòa giải nhưng chị P vẫn cương quyết ly hôn. Trong quá trình giải quyết ly hôn, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không chấp hành và không tham gia hòa giải. Việc anh T không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án thể hiện ý thức chấp hành pháp luật không tốt của anh T; bỏ mặc cho chị P giải quyết việc ly hôn, không thể hiện mong muốn vợ chồng đoàn tụ như ý kiến trình bày. Xét trên thực tế cuộc sống chung của vợ chồng chị P anh T cũng đã chấp dứt; chị P kiên quyết xin ly hôn nên khả năng anh chị về đoàn tụ là không còn do vậy Hội đồng xét xử xử cho chị P được ly hôn anh T là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị P và anh Đinh Vũ T có 03 con chung là cháu Đinh Lâm Ngọc V, sinh ngày 16/10/2009, cháu Đinh Lâm Nhật Á, sinh ngày 28/12/2011 và cháu Đinh Quang L, sinh ngày 04/10/2014. Hiện cả 03 cháu đang ở với anh T và khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù chị P đề nghị được nuôi cả 03 cháu và cả 03 cháu đều có nguyện vọng ở với chị P để các cháu được ở cùng nhau. Tuy nhiên

xét thấy hiện tại chị P đang đi học tiếng Nhật để làm thủ tục xuất khẩu lao động nên không có điều kiện để nuôi cả 03 cháu. Anh T không trình bày quan điểm về quyền nuôi dưỡng con sau ly hôn nhưng cũng không đồng ý để chị P nuôi cả 03 cháu. Xét thấy cháu L còn nhỏ tuổi, mắc bệnh bẩm sinh; cháu V là con cả có thể giúp trông nom chăm sóc em nên Hội đồng xét xử giao cháu V, cháu L cho chị P nuôi dưỡng; giao cháu Á cho anh T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn; xét việc chị P yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu L cho chị mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi Tòa án giải quyết ly hôn cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện kinh tế của anh T do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị P.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do tại bản tự khai; chị P, anh T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh T vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và tại phiên toà vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này. Nếu sau này chị P, anh T xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm, chị P phải chịu theo quy định.

Án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng, anh T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Trần Thị P ly hôn anh Đinh Vũ T.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Lâm Ngọc V, sinh ngày 16/10/2009 và cháu Đinh Quang L, sinh ngày 04/10/2014 cho chị Trần Thị P nuôi dưỡng. Giao cháu Đinh Lâm Nhật Á, sinh ngày 28/12/2011 cho anh Đinh Vũ T nuôi dưỡng.

Buộc anh Đinh Vũ T cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Quang L cho chị Trần Thị P mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 05/2023 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Tiền cấp dưỡng nuôi cháu L được thực hiện hàng tháng.

Chị P, anh T và các thành viên gia đình của chị P, anh T không được cản trở anh T, chị P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V, cháu Á, cháu L.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2021/0000487 ngày 06/02/2023 thành án phí ly hôn sơ thẩm chị P phải nộp. *(Chị P đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).*

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Đinh Vũ T phải chịu 300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị P, anh T biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã L; huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)